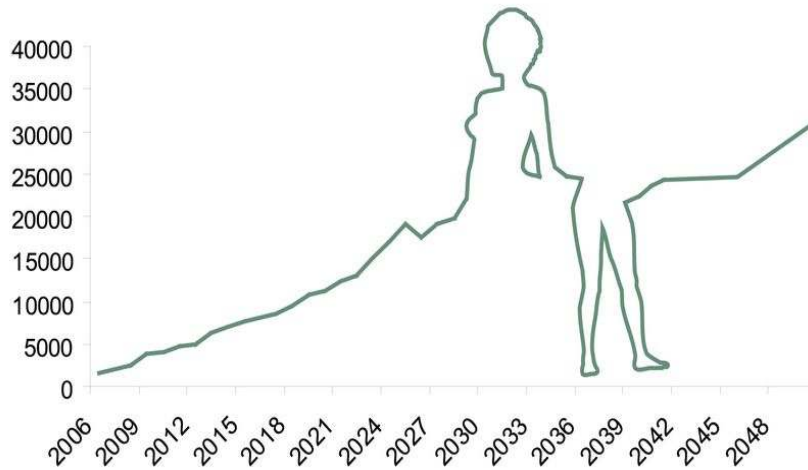


NHẬP MÔN PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



**Phân tích kỹ thuật là một môn nghệ thuật,
và Trader là nghệ sỹ!**

Giới thiệu

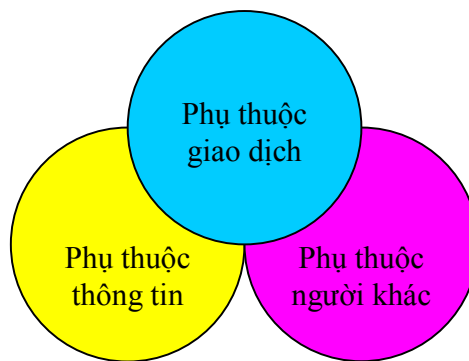
Tác giả Yoshihiro Tanaka (田中勝博), sinh năm 1964 là chuyên gia phân tích kỹ thuật, chuyên gia kinh tế hàng đầu tại Nhật bản. Năm 24 tuổi, ông đã giữ cương vị thành viên hội đồng quản trị công ty chứng khoán BZM Futures (một công ty con của ngân hàng Barclays). Năm 1994, ông tham gia thành lập công ty tư vấn Fisco và hiện tại hoạt động với tư cách một nhà tư vấn độc lập. Ông đã viết khá nhiều cuốn sách về thị trường chứng khoán và xây dựng nên một phương pháp đầu tư mang tên TANAKA.



Chương I : ỨNG DỤNG CỦA PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

1.3 căn bệnh phụ thuộc lớn làm giảm lợi nhuận

- (1) Bệnh phụ thuộc người khác : không tự tin vào bản thân
- (2) Bệnh phụ thuộc vào thông tin
- (3) Bệnh phụ thuộc vào giao dịch : lấy mục đích là giao dịch hơn là kiếm lợi nhuận



2. Sự khác nhau giữa đầu tư và đầu cơ

- Đầu tư là đánh giá sự thay đổi tăng trưởng để mua cổ phiếu còn đầu cơ là đánh giá sự thay đổi trong cung cầu để tiến hành mua bán cổ phiếu.
- Đầu tư là “vui” với cổ phiếu còn đầu cơ là “vui” với giá cổ phiếu.
- Nguyên tắc cơ bản của đầu tư là “nắm giữ dài hạn và phân tán rủi ro”. Tuy nhiên thực tế không có mấy nhà đầu tư thực hiện đúng như vậy. Hầu hết các nhà đầu tư đều nghĩ tới lợi nhuận của ngày mai hơn là lợi nhuận của 1 năm sau. Nếu như vậy, những người này phải được gọi là những nhà đầu cơ.

3.3 phương pháp phân tích chính

- *Phân tích cơ bản(fundamental analysis)* : phân tích tình hình kinh tế, chính trị, ngành(vĩ mô) và phân tích tình hình của các doanh nghiệp riêng(vi mô)
- *Phân tích kỹ thuật(technical analysis)* : sử dụng toán thống kê để phân tích sự biến động của giá trong quá khứ.

- *Giác quan thứ 6* : sáng ngủ dậy, nhìn lên bầu trời xanh không gợn mây, cảm giác dễ chịu và trong lòng nghĩ rằng hôm nay phải mua một cổ phiếu nào.

Phân tích cơ bản → chọn ra những cổ phiếu tốt để đầu tư

Phân tích kỹ thuật → chọn ra thời điểm đầu tư

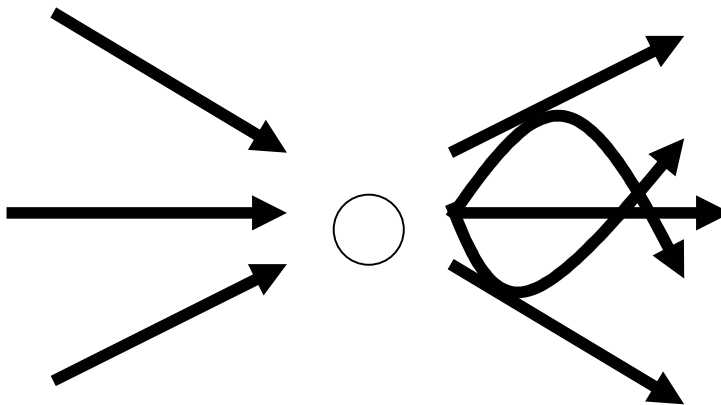
Giác quan thứ 6 → giúp hình thành cảm hứng thành công

4. 15 dạng (pattern)

- Từ lúc mua cổ phiếu đến khi bán có tất cả 15 dạng. Khi mua(input) có 3 dạng và khi bán (output) có 5 dạng, tổng cộng $3 \times 5 = 15$ dạng.

- 3 dạng input là : mua dừng cảm (mua khi giá đang giảm), mua kỳ vọng (mua khi giá đang đi ngang) và mua đuổi (mua khi giá đang tăng). Hầu hết thất bại của các nhà đầu cơ là do mua dừng cảm. Các nhà đầu tư chuyên nghiệp thường mua dừng cảm nhưng cũng có những trường hợp thất bại do không đoán đúng đáy.

- 5 dạng output : sau khi mua giá giảm, sau khi mua giá tăng, sau khi mua giá đi ngang, sau khi mua giá tăng rồi giảm, sau khi mua giá giảm rồi tăng



5. Sai lầm lớn của nhà đầu tư

Nguyên tắc cơ bản của đầu tư chứng khoán là “mua rẻ bán đắt” nhưng lại có nhiều nhà đầu tư hiểu nhầm thành “cứ mua rẻ thì có thể bán được đắt”

6. 3 nguyên nhân gây lỗ chính

Nhà đầu tư mua cổ phiếu vì kỳ vọng thị trường sẽ tăng lên trong tương lai. Tuy nhiên thực tế thì nhiều khi lại không đúng như kỳ vọng. Nếu ta chiến thắng thì phải có 1 ai đó thua và thị trường trong ngắn hạn là Zero sum tức là tổng thắng bại = 0.

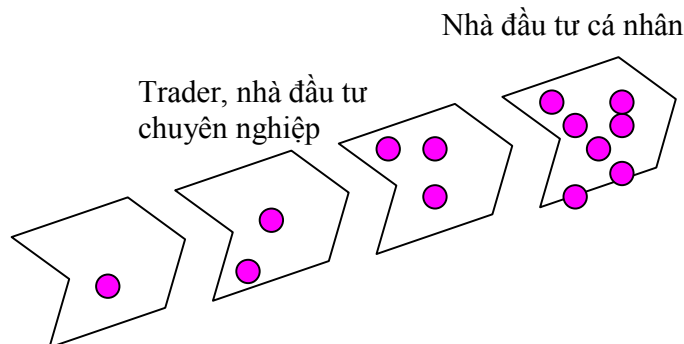
3 nguyên nhân chính dẫn tới sự thất bại của nhà đầu tư là :

- nhằm về xu hướng thị trường (trend)
- nhằm về thời gian mua-bán(timing)
- nhằm về thông tin

Hầu hết những thất bại là bắt nguồn từ nguyên nhân đánh giá sai về trend. Nhà đầu tư cho rằng cổ phiếu sẽ lên và mua vào, thực tế sau đó giá cổ phiếu lên nhưng họ lại cho rằng còn lên nữa. Đáng tiếc là giá cổ phiếu đã đạt tới đỉnh và tụt dốc dẫn tới thất bại.

7. Giá tăng là do phản ứng mua dạng dây chuyền

Nếu xác định thời gian không chuẩn, mua cổ phiếu vào thời điểm cuối cùng của phản ứng dây chuyền thì dù cho cổ phiếu của công ty có hoạt động tốt đến đâu, triết lý kinh doanh có hay đến đâu thì giá cổ phiếu sau khi chạm đỉnh sẽ tụt dần. Nếu đã mất đi sự hứng thú, ưa thích của nhà đầu tư thì cần phải có một khoảng thời gian để làm lành vết thương đó. Vì vậy mới có câu châm ngôn **“đỉnh 3 ngày, đáy 100 ngày”**



8. Đầu tư thuận xu thế hay đầu tư nghịch xu thế ?

Hành động đầu tư mua khi giá cổ phiếu đang giảm và bán ra khi giá đang tăng gọi là đầu tư nghịch xu thế. Hành động đầu tư này là nguy hiểm nhất bởi vì để thay đổi xu hướng(trend) thì cần phải có các thông tin và năng lượng tương đối. Hành động đầu tư này đi ngược lại với trend. Ngược lại, đi theo xu thế của trend (mua khi giá tăng, bán khi giá giảm) gọi là đầu tư thuận và là cách nghĩ cơ bản của PTKT.

- Phân tích trend : phương pháp đánh giá xem giá tăng hay giảm
- Phân tích cycle : phương pháp đánh giá xem giá đắt hay rẻ
- Phân tích cung cầu : phương pháp đánh giá độ ưa thích
- Phân tích patern : phương pháp dự đoán tương lai dựa vào patern quá khứ

Chương II : PHÂN TÍCH TREND – PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TĂNG HAY GIẢM

Là phương pháp nhận được sự chú ý nhiều nhất trong các phương pháp phân tích kỹ thuật. Trong trường hợp thị trường đang đi ngang thì sử dụng phương pháp phân tích này không mang lại hiệu quả. Khi đó phải sử dụng phương pháp của chương 3.

1. Trend và cycle

Trend là biểu thị xu hướng mang tính dài hạn của thị trường, cycle là biểu thị sự tăng giảm trong ngắn hạn. Dù là trend tăng hay giảm thì cũng là tập hợp của các dao động dạng sóng nhỏ (cycle) . Nguyên tắc cơ bản như sau :

- Thuận theo trend hay nắm bắt cycle
- Xem trend, đọc cycle
- Trend là dài hạn, cycle là ngắn hạn
- Trend là tổng thể, cycle là bộ phận
- Không được lẫn lộn giữa trend và cycle

2. Bình quân trượt

Là phương pháp dự đoán xu hướng thị trường dựa vào mối quan hệ giữa giá cổ phiếu và giá trị bình quân (phương pháp Joseph Granville)

Có 2 phương pháp bình quân trượt là bình quân trượt giản đơn (SMA) và bình quân trượt tỷ trọng (WMA)

(1) Công thức tính

a) Bình quân trượt giản đơn SMA (single moving average)

$$SMA_n = (\text{giá trị } 0 + \text{giá trị } 1 + \dots + \text{giá trị } n-1)/n$$

b) Bình quân trượt tỷ trọng WMA(weight moving average)

$$WMA_n = (n*\text{giá trị } 1 + (n-1)*\text{giá trị } 2 + \dots + 1*\text{giá trị } n-1)/(1+2+\dots+n)$$

WMA gần với giá trị hiện tại hơn SMA.

- **Golden cross** (dấu hiệu mua) : đường SMA ngắn hạn xuyên từ dưới lên trên đường SMA dài hạn.
- **Dead cross** (dấu hiệu bán) : đường SMA ngắn hạn xuyên từ trên xuống dưới đường SMA dài hạn.

(2) Phương pháp Granville

a) Những dấu hiệu mua :

- Đường MA sau khi giảm bắt đầu đi ngang hoặc hướng lên trên và đường giá đã vượt lên trên đường MA.
- Đường MA đang hướng lên trên nhưng đường giá lại cắt xuống phía dưới đường MA.
- Đường MA đang hướng lên trên, đường giá nằm trên đường MA và giảm xuống dưới nhưng không vượt qua đường MA mà lại quay đầu tăng.
- Đường MA đang giảm, đường giá cũng đang giảm trượt ra xa đường MA (đảo chiều tự động ngắn hạn)

b) Những dấu hiệu bán :

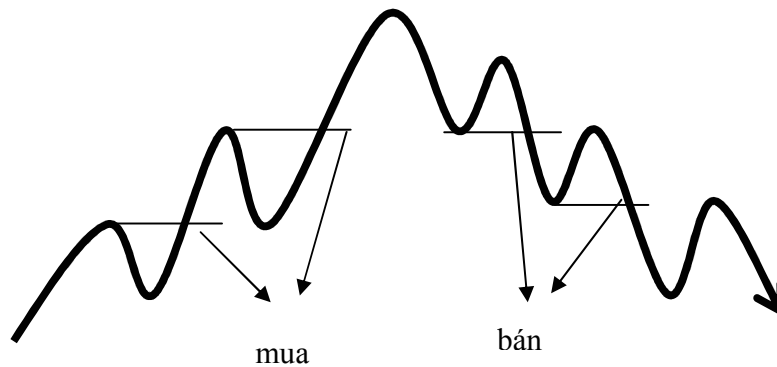
- Đường MA sau khi tăng thì bắt đầu chuyển sang đi ngang hoặc giảm và đường giá nằm cắt xuống phía dưới đường MA.
- Đường MA đang giảm mà đường giá lại cắt lên phía trên đường MA.
- Đường MA đang có xu hướng giảm, đường giá nằm dưới đường MA và đã tăng nhưng không vượt qua được đường MA mà lại tiếp tục giảm.
- Đường MA đang tăng, đường giá cũng đang tăng và vượt xa đường MA (điều chỉnh trong ngắn hạn).

3. Hệ thống kênh (chanel system)

- Đường giới hạn trên : bình quân giá cao nhất của N ngày
 - Đường giới hạn dưới : bình quân giá thấp nhất của N ngày
- Các dạng đường chanel system là Bollinger band, Volatility system,...

Thông thường người ta thường chọn $N = 10$

Nguyên lý của chanel system là nằm trong chân lý của trend. Chân lý của trend tức là “*nếu không vượt qua giá cao nhất thì không còn động lực tăng, nếu không rơi dưới giá thấp nhất thì không còn động lực giảm*”



- Nếu giá vượt quá giá trị bình quân của giá cao nhất trong 10 ngày → phát sinh trend tăng → dấu hiệu mua.
- Nếu giá giảm quá giá trị bình quân của giá thấp nhất trong 10 ngày → phát sinh trend giảm → dấu hiệu bán

4. Đầu tư ngắn hạn hay dài hạn là do thị trường quyết định chứ không phải nhà đầu tư

Mục đích của nhà đầu tư là tăng lợi nhuận chứ không phải là nắm giữ cổ phiếu dài hạn. Chưa chắc nắm giữ cổ phiếu dài hạn đã là điều kiện tuyệt đối để nâng cao lợi nhuận.

Nhiều nhà đầu tư nói là sẽ nắm giữ cổ phiếu 3 năm. Sau khi mua được 1-2 tháng, xuất hiện những thông tin tốt kéo giá cổ phiếu tăng gấp 2 lần, nhà đầu tư sẽ mỉm cười và tiếp tục nắm giữ. Nhưng ngược lại, nếu xuất hiện những thông tin xấu như công ty làm ăn thua lỗ, sắp phá sản thì đa số những nhà đầu tư đó sẽ vội vàng bán ngay cổ phiếu để giảm thiểu tổn thất.

Tóm lại, nhà đầu tư phải đi theo xu hướng của thị trường thì mới tồn tại .

5. Bollinger band

(1) Phương pháp lập bollinger band

$$\text{Upper band} = \text{MA} + (\text{STD_DV} * \text{W})$$

$$\text{Lower band} = \text{MA} - (\text{STD_DV} * \text{W})$$

Giá đại diện (typical price) = (giá lớn nhất+giá nhỏ nhất+giá đóng cửa)/3

MA = bình quân trượt N ngày của giá đại diện

STD_DV = độ lệch chuẩn trượt N ngày của giá đại diện

W = hệ số

Phương pháp lập Bollinger band rất giống với đường bao (envelope) của bình quân trượt. Đường bao (Envelope) là lấy SMA làm chuẩn rồi vẽ 2 đường trên dưới cách SMA 1 khoảng cố định.

Như vậy, nếu thị trường biến động lớn thì độ rộng của band sẽ lớn và ngược lại khi thị trường không dao động thì độ rộng của band sẽ hẹp.

Về lý thuyết thì nên mua khi đường giá chạm band dưới và bán khi giá chạm band trên.

6. Pivot (Reaction trend system)

(1) Phương pháp lập Pivot

P = pivot

H = giá cao nhất của ngày hôm trước

L = giá thấp nhất của ngày hôm trước

C = giá đóng cửa của ngày hôm trước

$$P = (H+L+C)/3$$

$$D1 = H - P$$

$$D2 = P - L$$

$$D3 = H - L$$

$$B1 = P - D1 = 2P - H$$

$$B2 = P - D3 = P - H + L$$

$$S1 = P + D2 = 2P - L$$

$$S2 = P + D3 = P + H - L$$

$$HBOP(\text{high break out point}) = 2P - 2L + H$$

$$LBOP(\text{low break out point}) = 2P - 2H + L$$

Đường hỗ trợ : B1,B2

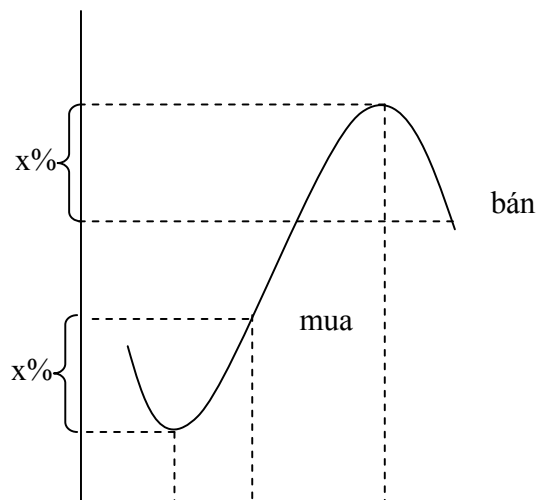
Đường kháng cự : S1,S2

Phương pháp sử dụng cơ bản là mua ở đường hỗ trợ và bán ở đường kháng cự.

LBOP và HBOP được định nghĩa là điểm phát sinh trend. Nếu giá vượt quá HBOP thì mua và xuống dưới LBOP thì bán. Nếu khoảng cách giữa đường kháng cự và đường hỗ trợ hẹp lại thì là dấu hiệu thay đổi trend.

(2) Quy tắc lọc (Filter rule)

Quy tắc này là : nếu giá cp thay đổi x% so với đáy/đỉnh gần nhất thì tiến hành mua/bán



7. Parabolic (SAR – stop and reverse : dừng và chuyển hướng)

SAR ngày hôm sau = SAR ngày hôm nay + hệ số gia tốc*(giá trị mới – SAR ngày hôm nay)

Giá trị mới = giá cao nhất trong trend khi thị trường đi lên, giá thấp nhất trong trend khi thị trường đi xuống

8. Trend và nguyên nhân mang tính thời vụ

Trên thị trường chứng khoán luôn tồn tại những hiện tượng bất thường (unnomaly) mà không thể giải thích một cách hợp lý. Nắm bắt trước được những hiện tượng này là điều hết sức quan trọng trong việc xác nhận trend. Lưu ý : những thống kê dưới đây chỉ áp dụng cho thị trường chứng khoán Nhật bản.

- (1) Tháng 1 – rocket start : ở các thị trường chứng khoán trên thế giới, nhiều trường hợp là giá chứng khoán tăng trong tháng 1. Điều này là do sự kỳ vọng của các nhà đầu tư vào một năm mới. Thông thường nếu tháng 1 mà tăng thì trong năm đó sẽ có xu hướng tăng và ngược lại.
- (2) Tháng 2 – Nibbachi (28) : kinh tế trong tháng 2 và tháng 8 thường dậm chân tại chỗ nên tình hình trên thị trường chứng khoán cũng ảm đạm.
- (3) Tháng 3 : phá vỡ thế cân bằng, quyết toán cuối năm, đồng yên lên giá
- (4) Tháng 4 : bước vào một năm tài chính mới, tiền chảy vào nhiều. Thông thường tháng 4-6 là thời điểm tuyệt vời để đầu tư.
- (5) Tháng 5 : golden week, báo cáo kết quả kinh doanh.
- (6) Tháng 6 : giá tăng trong tháng 6 thường là do nguyên nhân cung cầu
- (7) Tháng 7 : Sự phục hồi của mùa hè, một tháng đầy những bất ngờ .
- (8) Tháng 8 : tháng nghỉ lễ, thị trường ít giao dịch.
- (9) Tháng 9 : khủng bố, đối sách giảm thuế, đầu tư kém hiệu quả, đồng yên lên giá
- (10) Tháng 10 : Black Monday. Âm ảnh về ngày thứ 2 đen tối vẫn còn trong tâm trí nhà đầu tư nên trong tháng này thị trường vẫn tiếp tục ảm đạm (kéo dài từ tháng 8). Tuy nhiên tháng 10 cũng là tháng mà thị trường có những biến động lớn.
- (11) Tháng 11 : bắt đầu chiến dịch kinh doanh cho lễ giáng sinh. Thị trường chuyển sang một xu hướng mới, cơ hội để đầu tư.
- (12) Tháng 12 : các quỹ chuẩn bị khóa sổ cuối năm và triển vọng cho một năm mới nên ít có trường hợp giảm giá.

Chương III : PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ GIÁ CAO HAY THẤP - PHÂN TÍCH CYCLE

1. Nắm bắt phương pháp mua bán nghịch xu thế

(1) Phương pháp đọc sóng ngắn hạn

Như ở phần trước đã nói : trong trend có nhiều sóng (cycle) và các sóng đó có thể là tăng hoặc giảm. Phương pháp phân tích kỹ thuật trong chương này thường được gọi là “phương pháp mua bán nghịch”, tức là mua khi giá giảm và bán khi giá tăng. Tuy nhiên khi thị trường đang có một xu hướng rất mạnh thì phương pháp này không sử dụng được. Ví dụ khi thị trường đang có xu hướng giảm mạnh mà lại mua vào giá rẻ thì cũng không thể mang lại lợi nhuận như mong muốn.

(2) 4 quan hệ giữa trend và cycle

- Trend tăng, cycle tăng
- Trend tăng, cycle giảm
- Trend giảm, cycle tăng
- Trend giảm, cycle giảm

Trong 4 quan hệ trên thì quan hệ 1 và 3 là ít rủi ro và có nhiều cơ hội. Ngược lại quan hệ 2 và 4 thì có nhiều rủi ro.

2. Chỉ số tính phương hướng (DMI : directional movement index)

+DI = (Tổng +DM của 14 ngày qua)/(Tổng TR của 14 ngày qua)

-DI = (Tổng -DM của 14 ngày qua)/(Tổng TR của 14 ngày qua)

ADX = Tổng DX của 9 ngày qua

+DM = giá max hôm nay – giá max hôm qua

-DM = giá min hôm qua – giá min hôm nay

So sánh +DM và -DM, giá trị nhỏ hơn lấy = 0, nếu 2 giá trị bằng nhau thì không lấy bằng 0 mà lấy nguyên giá trị đó. Nếu +DM(hay-DM) là số âm thì lấy bằng 0.

TR = Max(giá max hôm nay – giá min hôm nay, giá max hôm nay – giá đóng cửa hôm qua, giá đóng cửa hôm qua – giá min hôm nay)

$$DX = \frac{|(+DM) - (-DM)|}{|(+DM) + (-DM)|}$$

+DI là biểu thị khả năng giá tăng, -DI là biểu thị khả năng giá giảm, ADX là biểu thị độ mạnh của trend chứ không biểu thị tính phương hướng của trend

- Nếu +DI và ADX cùng tăng tức là thị trường đang có xu thế tăng mạnh
- Nếu +DI tăng mà ADX không tăng mấy tức là thị trường có xu thế tăng yếu
- Nếu -DI và ADX cùng tăng tức là thị trường đang có xu thế giảm mạnh
- Nếu ADX đang ở mức thấp, tức không có rõ tính trend thì đây là cơ hội tốt để tiến hành “mua bán nghịch”
- Nếu +DI tăng vượt qua -DI thì là dấu hiệu tốt để mua. Ngược lại nếu -DI tăng vượt qua +DI tức là dấu hiệu bán.
- Nếu ADX vượt qua đỉnh chuyển từ tăng sang giảm và khoảng cách giữa +DI và -DI ngày một hẹp lại tức là dấu hiệu kết thúc trend.

3. Đường tâm lý Psychological line

= 100% * số ngày giá tăng hơn ngày hôm trước trong vòng 12 ngày / 12 ngày
(nếu giá không đổi cũng tính là giá tăng)

Nếu chỉ số này $\geq 75\%$ (9 tăng 3 giảm) tức là đang được mua vào nhiều.

Nếu chỉ số này $\leq 25\%$ (9 giảm 3 tăng) tức là đang được bán ra nhiều.

4. Oscillator (Dao động)

= (giá max trong vòng N ngày – giá đóng cửa hôm nay) / (giá max trong vòng N ngày - giá min trong vòng N ngày)

Điền hình của Oscillator là R% của William.

$R\% = \frac{\text{giá max} - \text{giá mở cửa} + \text{giá min} - \text{giá đóng cửa}}{2 * (\text{giá max} - \text{giá min})}$

Nếu $R < 20\%$ là dấu hiệu được mua vào nhiều, nếu $R > 80\%$ là dấu hiệu bị bán ra nhiều.

5. Định nghĩa đầu tư và đầu cơ

Đây là một chủ đề đã có từ rất lâu và không thể có một định nghĩa chính xác cho đầu tư và đầu cơ. Không thể nghĩ một cách đơn thuần rằng đầu tư là nắm giữ dài hạn và đầu cơ là nắm giữ ngắn hạn bởi vì có những người ban đầu xác định mua cổ phiếu để nắm giữ dài hạn nhưng khi có những thông tin tốt, giá cổ phiếu tăng lên thì lập tức bán ra kiếm lời.

- điểm khác nhau giữa đầu tư và đầu cơ không phải là thời gian nắm giữ.
- điểm khác nhau giữa đầu tư và đầu cơ không phải là phương pháp phân tích.
- điểm khác nhau giữa đầu tư và đầu cơ không phải là hình thức giao dịch.

Có một định nghĩa thường được sử dụng là : “đầu tư là kỳ vọng vào cổ tức còn đầu cơ là kỳ vọng vào capital gain (chênh lệch giá).

Nhà đầu tư kỳ vọng vào việc sinh lời từ công ty còn nhà đầu cơ kỳ vọng vào việc sinh lời từ giá cổ phiếu.

Phương pháp đầu tư “nắm giữ dài hạn và phân tán rủi ro” chỉ phát huy hiệu quả khi nền kinh tế đang phát triển. Tuy nhiên, trong thời kỳ kinh tế suy thoái thì đây là phương pháp đầu tư rủi ro nhất.

6. Chỉ báo RSI (Relative strenght index)

Đây là chỉ báo điển hình của phương pháp phân tích dao động được nhiều người sử dụng.

$$RSI = A/(A+B)$$

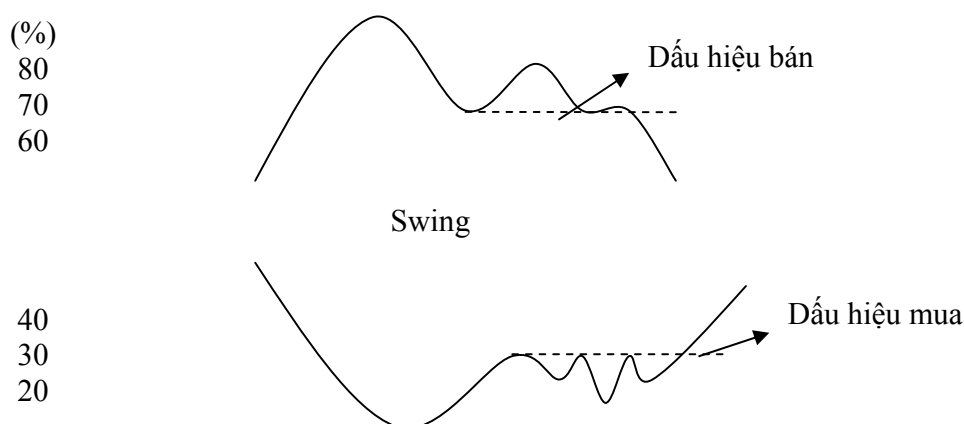
A = trung bình phần tăng giá đóng cửa trong N ngày giá lên

B = trung bình phần giảm giá đóng cửa trong N ngày giá xuống

Đánh giá RSI bằng 4 cách sau.

(1) Đánh giá bằng tiêu chuẩn

RSI dịch chuyển từ 0 đến 100, nếu $RSI > 70$ tức là giá cổ phiếu đang ở mức cao và < 30 tức là giá cổ phiếu đang ở mức thấp. Tuy nhiên rất khó có thể đánh giá RSI chỉ bằng tiêu chuẩn này.



(2) Đánh giá bằng phương hướng của RSI

- Cho dù thị trường đang có xu hướng đi ngang hoặc giảm mà RSI lại có xu hướng đi lên thì nhiều khả năng thị trường sẽ đảo chiều đi lên.
- Cho dù thị trường đang có xu hướng đi ngang hoặc tăng mà RSI lại có xu hướng đi xuống thì nhiều khả năng thị trường sẽ đảo chiều đi xuống

(3) Đánh giá bằng hình dạng

Đặc biệt khi RSI lớn hơn 70 hoặc nhỏ hơn 30 mà có hình chữ V ngược/xuôi thì là dấu hiệu để tiến hành mua bán.

(4) Hiện tượng ngược chiều giữa thị trường và RSI

a. Hiện tượng ngược chiều ở thị trường đi lên : nên bán khi

- giá cổ phiếu đạt giá trị max mới
- RSI >70

- RSI ko đạt giá trị max mới

b. Hiện tượng ngược chiều ở thị trường đi xuống : nên mua khi

- giá cổ phiếu đạt giá trị min mới
- RSI <30

- RSI ko đạt giá trị min mới

7. Chỉ báo Stochastics

$K\% = (\text{giá đóng cửa ngày hôm nay} - \text{giá min trong N ngày}) / (\text{giá max trong N ngày} - \text{giá min trong N ngày})$

$D\% = \text{bình quân trượt trong M ngày của } K\%$

$\text{Slow } D\% = \text{bình quân trượt trong Y ngày của } D\%$

Thông thường giá trị của N,M,Y là (14,3,3) hoặc (9,3,3)

RSI được tính toán dựa trên cơ sở là phạm vi biến động giá còn Stochastics được tính toán từ sự chênh lệch giá nên Stochastics phản ứng nhạy cảm với sự biến động của giá hơn là RSI

Dấu hiệu mua bán từ đường K% và D% :

- dấu hiệu mua là đường K% và D% đều nằm dưới 25% : golden cross
- dấu hiệu mua là đường K% và D% đều nằm trên 75% : dead cross
- bỏ qua dấu hiệu lần đầu và chú trọng tới dấu hiệu lần 2, lần 3

Chương IV : PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ ĐỘ YÊU THÍCH - PHÂN TÍCH CUNG CẦU

1. 3 nguyên nhân chính làm giá biến động

3 nguyên nhân chính làm giá biến động là : thông tin, cung cầu và biến động giá (biến động do chia tách cổ phiếu)

Có rất nhiều nhà đầu tư nhạy cảm với “thông tin” nhưng thực tế là nếu chỉ có “thông tin” thì tuyệt đối không thể sinh ra lợi nhuận. Nếu nguyên nhân gây biến động giá là 100% thì 10% là do thông tin, 20% là do xu hướng và 70% là do cung cầu. Xu hướng ở đây nghĩa là bầu không khí của toàn bộ thị trường.

Có rất nhiều nhà đầu tư sa đà vào việc tìm kiếm thông tin mà không biết rằng có đến 60% lượng thông tin khi đến tay mình thì đã được phản ánh vào giá hiện tại và đã trở thành thông tin cũ.

2. 10 nguyên nhân chính làm tăng giá cổ phiếu

- Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phiếu : tuy nhiên cần lưu ý rằng không phải nhà đầu tư nước ngoài luôn luôn đúng.
- Cải thiện nguyên nhân cung cầu
- Làm giá của giới đầu cơ
- Kết quả kinh doanh tốt hơn
- Lên cấp (rating up) trong đánh giá của giới phân tích chứng khoán : tuy nhiên nguyên nhân này cũng chỉ có thể làm giá tăng lên 3 ngày
- PR của giới media : cũng chỉ lên được 3 ngày
- Ảnh hưởng từ nước ngoài
- Nguyên nhân cá biệt : công ty tham gia vào các lĩnh vực mới, dự án mới
- Chủ quan : chỉ vì nghĩ giá lên nên mua
- Phản ứng ngược với thông tin xấu

3. Phân tích khối lượng giao dịch, bình quân trượt khối lượng giao dịch

(1) giá cổ phiếu và khối lượng giao dịch, 6 dạng

Phân tích khối lượng giao dịch hết sức quan trọng bởi vì hoạt động của nhà đầu tư được phản ánh vào khối lượng giao dịch. Đặc trưng của khối lượng giao dịch là trong thị trường tăng thì khối lượng giao dịch cũng tăng và ngược lại. Có 6 dạng quan hệ giữa giá cổ phiếu và khối lượng giao dịch như sau :

- Khối lượng giao dịch và giá cổ phiếu đều đạt đỉnh
- Sau khi khối lượng giao dịch đạt đỉnh thì trong vòng 10 ngày giá cổ phiếu cũng đạt đỉnh.
- Khối lượng giao dịch sau khi đạt đỉnh thì giá tăng nhanh.
- Khối lượng giao dịch và giá cổ phiếu đều chạm đáy.
- Sau khi khối lượng giao dịch chạm đáy thì trong vòng 10 ngày giá cổ phiếu cũng chạm đáy.
- Khối lượng giao dịch sau khi chạm đáy thì giá giảm nhanh.

Dù trong trường hợp nào thì nếu khối lượng giao dịch tăng nhanh cũng cần hết sức chú ý, đây chính là dấu hiệu cho thấy sắp chạm đỉnh hoặc đáy.

(2) Sử dụng đường bình quân trượt khối lượng giao dịch

a. Phương pháp sử dụng trong ngắn hạn :

- Đường khối lượng giao dịch tăng nhanh, vượt qua đường MA(5) là dấu hiệu mua
- Đường khối lượng giao dịch giảm nhanh, vượt dưới đường MA(5) là dấu hiệu bán

b. Phương pháp sử dụng trong giao dịch dài hạn :

- Đường MA(5) tăng nhanh, vượt qua đường MA(25) là dấu hiệu mua
- Đường MA(5) giảm nhanh, vượt dưới đường MA(25) là dấu hiệu bán

4. Phân tích giá trị giao dịch

Cũng giống như phương pháp phân tích khối lượng giao dịch.

a. Phương pháp sử dụng trong ngắn hạn :

- Đường giá trị giao dịch tăng nhanh, vượt qua đường MA(5) là dấu hiệu mua
- Đường giá trị giao dịch giảm nhanh, vượt qua đường MA(5) là dấu hiệu bán

b. Phương pháp sử dụng trong giao dịch dài hạn :

- Đường MA(5) tăng nhanh, vượt qua đường MA(25) là dấu hiệu mua
- Đường MA(5) giảm nhanh, vượt qua đường MA(25) là dấu hiệu bán

5. Phân tích khối lượng giao dịch theo từng mức giá

Nếu phát sinh những biến động cách xa mức giá có khối lượng giao dịch lớn thì có khả năng thị trường sẽ biến động lớn.

6. OBV (On Balance Volume)

Trước hết định 1 ngày làm chuẩn và lấy OBV của ngày này = 0.

Nếu giá đóng cửa của ngày hôm nay cao hơn hôm qua thì $OBV \text{ hôm nay} = \text{khối lượng giao dịch hôm nay} + OBV \text{ hôm qua}$.

Nếu giá đóng cửa của ngày hôm nay thấp hơn hôm qua thì $OBV \text{ hôm nay} = OBV \text{ hôm qua} - \text{khối lượng giao dịch hôm nay}$.

Nếu giá đóng cửa của hôm nay = hôm qua thì lấy $OBV \text{ hôm nay} = OBV \text{ hôm qua}$.

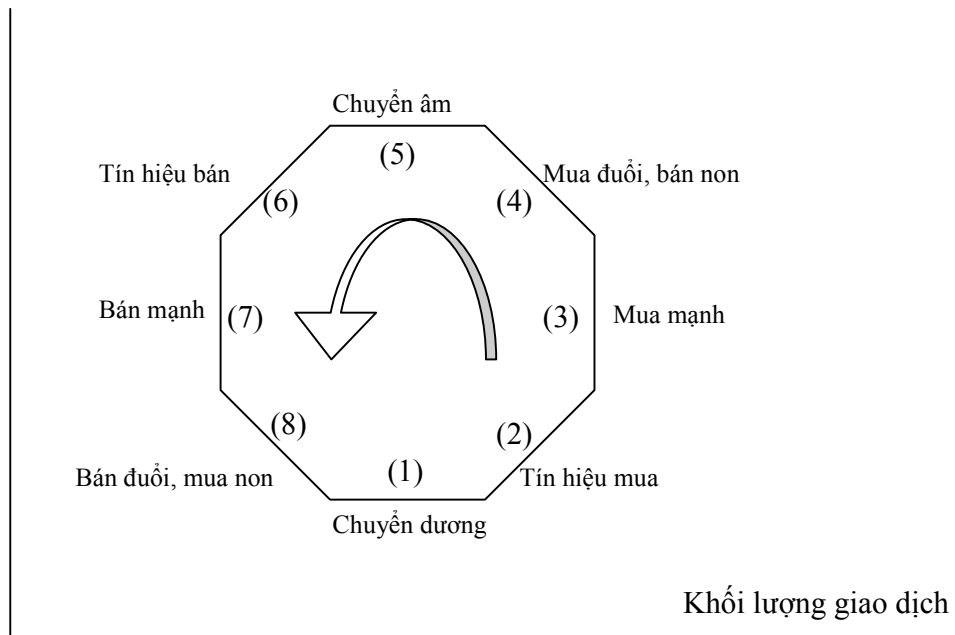
Ý nghĩa ở đây là coi khối lượng giao dịch của ngày giá tăng là “khối lượng giao dịch mua” và khối lượng giao dịch của ngày giá giảm là “khối lượng giao dịch bán” và so sánh bên mua với bên bán.

Phương pháp phân tích OBV này cũng do Granville sáng tạo ra. Cách nghĩ cơ bản là biến động của khối lượng giao dịch có khuynh hướng đi trước so với giá cổ phiếu. Nếu OBV tăng tức là đang có khuynh hướng mua vào và nếu OBV giảm tức là đang có khuynh hướng bán ra.

7. Đường cong ngược chiều kim đồng hồ

Đặc trưng của đường cong này là vẽ trên hệ trục tọa độ lấy trục tung là giá cổ phiếu và trục hoành là khối lượng giao dịch.

Giá cổ phiếu



- (1) giá cp đang ở mức thấp nhưng khối lượng giao dịch bắt đầu tăng. Đây được coi là dấu hiệu chuyển dương và là điều kiện để mua vào.
- (2) khối lượng gd và giá cp đều tăng. Đây được coi là dấu hiệu mua.
- (3) Giá cp tăng nhưng khối lượng gd không thay đổi mấy. Dấu hiệu mua mạnh.
- (4) Giá cp tăng nhưng khối lượng gd giảm dần. Dấu hiệu mua đuôi và nếu có lãi thì bắt đầu bán non.
- (5) Giá cp ngừng tăng, khối lượng gd tiếp tục giảm. Đây là dấu hiệu chuyển âm và hình thành điều kiện để bán ra.
- (6) Cả khối lượng gd và giá đều giảm. Đây là dấu hiệu bán ra.
- (7) Giá cp tiếp tục giảm, khối lượng gd không có dấu hiệu tăng. Dấu hiệu bán ra mạnh.
- (8) Giá cp tiếp tục giảm nhưng khối lượng gd bắt đầu tăng trở lại. Thay vì bán đuôi thì nên mua non.

Thông qua việc nghiên cứu hình bát giác này có thể hiểu được tâm lý nhà đầu tư như sau:

- Khi thị trường bắt đầu tăng thì các nhà đầu tư còn đang trong giai đoạn nghi ngờ nên khối lượng giao dịch ít. Tuy nhiên nếu giá tiếp tục tăng thì tâm lý bất an của nhà đầu tư ngày một giảm dần tới khối lượng gd tăng theo.
- Khi thị trường đạt đỉnh thì đa số nhà đầu tư đều cảm thấy lạc quan.
- Cộng thêm với tuyên truyền của báo chí nên càng có thêm nhiều người tham gia, nhiều người mua và khối lượng gd đạt max.
- Tuy nhiên khi giá cp đạt đỉnh và bắt đầu giảm thì tâm lý bất an của nhà đầu tư ngày một tăng dần tới khối lượng gd giảm cùng với giá.
- Khi tâm lý bất an lên tới đỉnh thì khối lượng giao dịch lại tăng và giá cp chạm đáy để chuẩn bị chu kỳ mới.

8. Chỉ số tăng giảm giá

Chỉ số = Tổng số cp tăng giá trong 25 ngày/Tổng số cp giảm giá trong 25 ngày
100% là giá trị trung lập, vượt quá 120% tức là thị trường đang nóng và dưới 70% tức là thị trường đang âm ảm.

9. Độ lệch chuẩn (Volatility)

Độ lệch chuẩn $\sigma = 0.601 * \ln(Ht/Lt) * \sqrt{250}$

250 tức là 250 ngày

Ht = giá cao nhất trong ngày

Lt = giá thấp nhất trong ngày

- trong nhiều trường hợp, Volatility thường giảm trước giá
- nếu giá đang ở mức cao mà Volatility giảm thì cần xem xét bán đi

9. Thị trường không liên quan tới suy nghĩ của bản thân

3 động thái và thời điểm sẽ quyết định lợi nhuận :

$$(bán/mua/ngủ) * thời điểm = tổn lợi$$

Vậy thì hành động bán/mua/ngủ được quyết định bởi cái gì? Thông thường là được quyết định bởi phân tích cơ bản(fundamental)

Như vậy fundamentals analysis = bán/mua/ngủ

Ta đã biết, xác định thời điểm = technical analysis. Ngoài ra, trực giác bản thân cũng hết sức quan trọng. Nếu một buổi sáng ngủ dậy, tâm lý cảm thấy thoải mái và thời tiết thật đẹp khiến ta có cảm giác hôm nay thị trường sẽ lên. Tức là thời điểm = technical analysis + giác quan thứ 6.

Tóm lại ta có công thức : **lợi nhuận = fundamentals analysis*(technical analysis + giác quan thứ 6)**

Tuy nhiên nếu chỉ dựa vào công thức trên thì cũng không thể giúp ta kiếm được lợi nhuận. Thị trường không phụ thuộc vào bản thân ta nghĩ gì mà nó phụ thuộc vào người khác nghĩ gì. Do đó để chiến thắng trên thị trường thì vấn đề không phải là ta nghĩ gì mà suy đoán xem người khác nghĩ gì. Tức là phải đoán được xu hướng của thị trường.

Như vậy, công thức cuối cùng sẽ là :

Profit = fundamentals analysis*(technical analysis + giác quan thứ 6)*trend

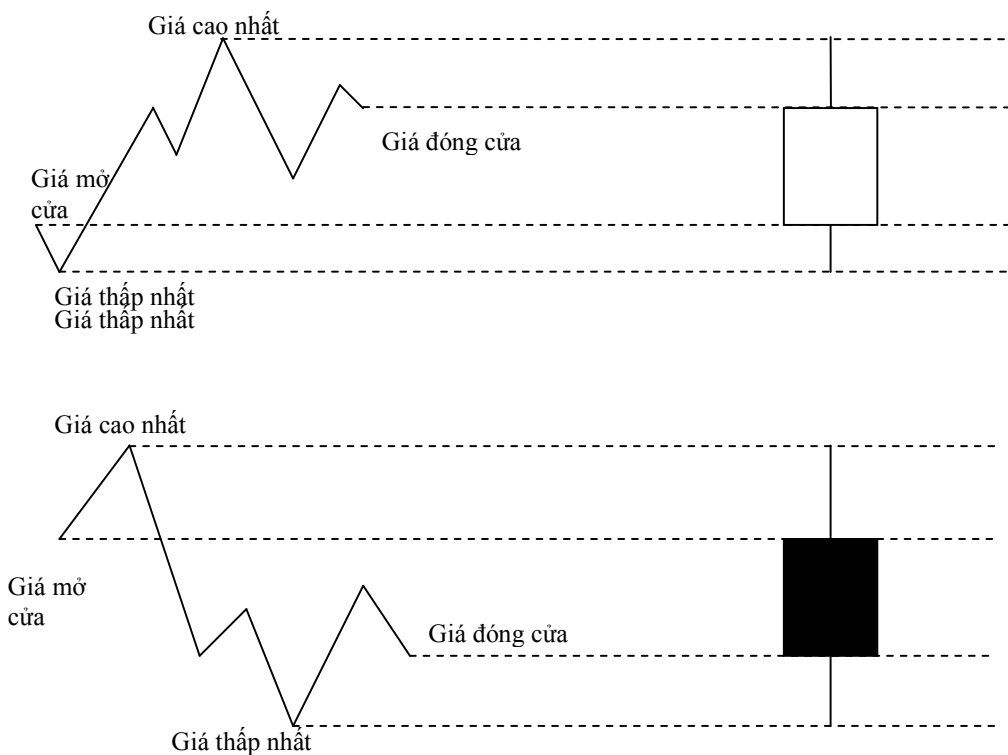
Chương IV : DỰ ĐOÁN TƯƠNG LAI DỰA VÀO CÁC PATERN TRONG QUÁ KHỨ

1. Đồ thị nến (Candle chart)

Là phương pháp phân tích kỹ thuật mà Nhật bản hết sức tự hào. Vào giữa thế kỷ 18, ông Honma là một nhà đầu tư đã rất thành công trên thị trường gạo ở Osaka. Ông đã viết ra cuốn “Ngũ pháp Sakeda” trong đó có giới thiệu về phương pháp phân tích hình nến. Hơn 200 năm sau, phương pháp này đã được cả thế giới biết đến như là một phương pháp phân tích biểu thị sự biến động của thị trường.

(1) Cùng tìm ra các kiểu pattern

Cách biểu thị đồ thị hình nến là nếu giá đóng cửa > giá mở cửa thì sẽ vẽ hình nến trắng (đường dương) và ngược lại là hình nến đen (đường âm)



Các đoạn thẳng mọc trên nến gọi là râu, râu nằm trên gọi là râu trên, râu nằm dưới gọi là râu dưới.









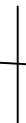
Đồ thị hình nến có nhiều loại : đồ thị ngày, đồ thị tuần, đồ thị tháng, đồ thị năm,..

(2) Ngũ pháp Sakeda

Cơ bản của phương pháp phân tích đồ thị nến là ngũ pháp Sakeda. Sakeda được biết đến với tư cách là một cảng xuất gạo nổi tiếng thời Edo, là nơi Honma đã sinh ra.

9 kiểu cơ bản và 19 kiểu ứng dụng của đồ thị nến.

9 kiểu cơ bản

								
Đường đại dương	Đường đại âm	Đường tiểu âm	Đường tiểu dương	Đường dương chiếu trên	Đường âm chiếu trên	Đường dương chiếu xuống	Đường âm chiếu xuống	Đường đồng sự
Rất mạnh	Rất yếu	Cân bằng yếu	Cân bằng mạnh	Yếu	Yếu	Mạnh	Mạnh	Dấu hiệu chuyên đổi

19 kiểu ứng dụng kết hợp âm dương : lược dịch (nhà đầu tư có thể nghiên cứu trong các tài liệu khác về candle chart).

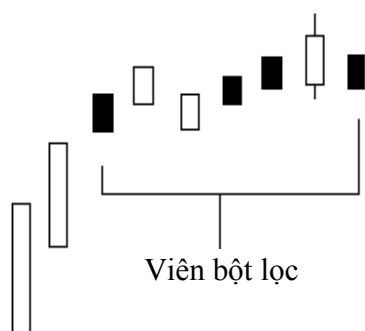
(3) Râu trên

Khi thị trường đang tăng mà xuất hiện râu trên tức là dấu hiệu đã gần tới đỉnh. Râu trên tức là phần chênh lệch giữa giá cao nhất và giá đóng cửa hoặc giữa giá cao nhất và giá mở cửa. Càng vào đến phạm vi đỉnh thì râu trên càng có xu hướng dài

ra, tức là áp lực bán ra ngày một gia tăng. Ngược lại nếu xuất hiện râu dưới tức là đã gần tới đáy, râu dưới càng dài thì sức cầu càng mạnh.

(4) Tình trạng viên bột lọc

Thị trường sau khi tăng nóng mà rơi vào tình trạng viên bột lọc tức là dấu hiệu của sự sụt giảm. những cổ phiếu được giới thiệu, được lăng xê qua media là những cổ phiếu dễ quan sát thấy hiện tượng này nhất.



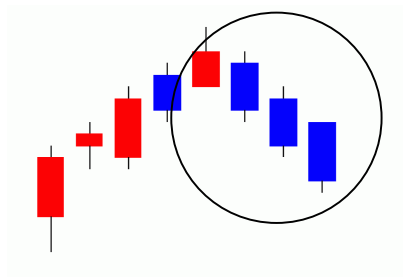
(5) Chũr thập

giá cao nhất > giá mở cửa = giá đóng cửa > giá thấp nhất

Trong nhiều trường hợp đây là dấu hiệu đảo chiều của thị trường hoặc thị trường sẽ tăng nhanh hơn hay giảm mạnh hơn. Tiêu chuẩn để đánh giá chũr thập nằm ở khối lượng giao dịch. Nếu xuất hiện chũr thập cùng khối lượng giao dịch tăng mạnh tức là dấu hiệu của sự đảo chiều, nếu không thị trường vẫn tiếp tục duy trì trạng thái hiện tại.

(6) Chim 3 cánh

Nếu có 3 đường âm xuất hiện trong phạm vi đỉnh thì gọi là chim 3 cánh. Đây là dấu hiệu của xu hướng giảm giá.



2. Phân tích xu hướng (trend)

Cho đến nay, đã có rất nhiều người nghiên cứu trend và cycle trong phân tích chứng khoán. Một trong những phương pháp phân tích trend nổi tiếng nhất là phương pháp phân tích dạng sóng Elliott.

(1) Lịch sử và đặc trưng của phương pháp dạng sóng Elliott

Ông tổ của lý thuyết này là Ralph Nelson Elliott (1871-1948), kế toán chuyên về restaurant và đường sắt.

Elliott đã nhận ra rằng biến động giá cổ phiếu bình quân công nghiệp Dow tạo ra một xu hướng có thể phân biệt và có tính lặp đi lặp lại. Tuy nhiên thời gian hình thành xu hướng và độ rộng của biến động không nhất thiết là sẽ lặp đi lặp lại.

(2) Nguyên tắc của nguyên lý dạng sóng là Dow

Người đầu tiên phát biểu rằng biến động giá cp có hình dạng giống sóng biển là Charles Dow. Ông cho rằng : trend chính trong 1 năm giống như thủy triều, trend bước 2 trong vài tháng giống như sóng biển còn những trend nhỏ giống như các gợn sóng. Bằng việc tính toán các điểm cao nhất của những con sóng liên tiếp thì có thể dự đoán được phương hướng của thủy triều.

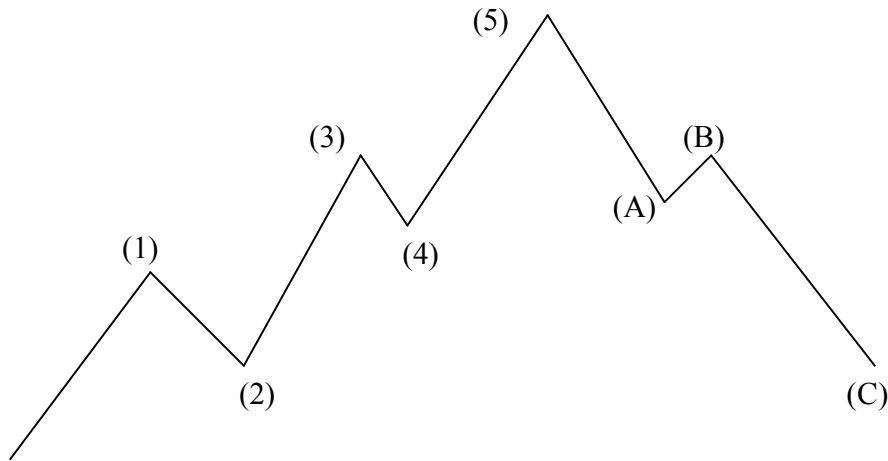
Thị trường tăng	
Sóng 1 tăng	Thoát khỏi sự bi quan về giá cổ phiếu
Sóng 2 tăng	Cải thiện tình hình kinh tế, tình hình kinh doanh của DN
Sóng 3 tăng	Giá cổ phiếu vượt quá giá trị thực
Thị trường giảm	
Sóng 1 giảm	Bán tháo
Sóng 2 giảm	Tình hình kinh tế, tình hình kinh doanh xấu đi
Sóng 3 giảm	Điểm cao nhất (climax)

Dựa trên lý thuyết của Dow, Elliott đã nghiên cứu một cách chi tiết hơn và hoàn thành lý thuyết dạng sóng Elliott.

(3) Các kiểu sóng

Trong khi Dow cho rằng có 3 dạng sóng thì Elliott lại cho rằng có 8 dạng sóng với 5 sóng lên và 3 sóng xuống. Ông coi 8 đợt sóng này là 1 chu kỳ để phân tích thị trường.

Trong 5 sóng lên thì sóng 1,3,5 là sóng mạnh còn sóng 2,4 là sóng điều chỉnh. Sóng 2 điều chỉnh cho 1 và 4 điều chỉnh cho 3. 3 sóng giảm là sóng A,B,C



- Sóng lên 1 : quá trình tạo cơ sở, cục diện đảo chiều từ thị trường đi xuống
- Sóng điều chỉnh 2 : điểm kết thúc của sóng điều chỉnh 2 không thấp hơn điểm khởi đầu của sóng lên 1
- Sóng lên 3 : khối lượng giao dịch lớn nhất, phạm vi tăng giá cao nhất, thời gian không ngắn nhất
- Sóng điều chỉnh 4 : hình thành cân bằng dạng tam giác
- Sóng lên 5 : đợt tăng giá cuối cùng
- Sóng giảm A : khó có thể nghĩ là sóng điều chỉnh trong xu thế tăng

- Sóng giảm B: tăng lại do đảo chiều mua nhưng không giữ được lâu mà lại chuyển sang sóng C
- Sóng giảm C : xác nhận xu thế giảm giá đã rõ ràng

(4) Tính ra giá trị mục tiêu dựa vào dãy Fibonacci

1,1,2,3,5,8,13,21,34,....

Đặc trưng của dãy Fibonacci là :

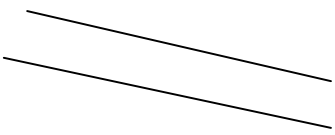
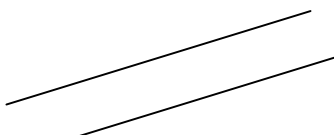
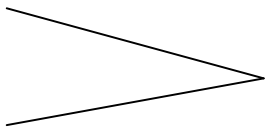
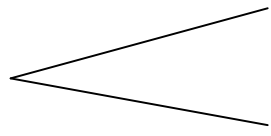
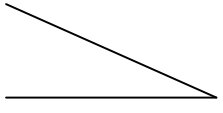
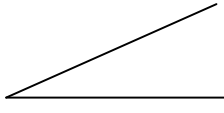
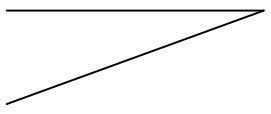
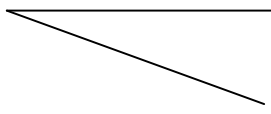
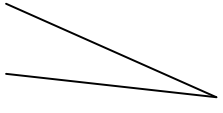
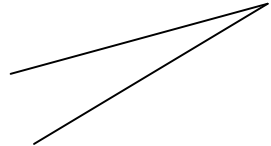
- Giá trị của 1 số hạng = tổng 2 số hạng đứng trước
- Bất kỳ một số hạng nào cũng gần bằng 0.618 của số hạng tiếp theo
- Bất kỳ số hạng nào cũng gần bằng 1.618 của số hạng đứng trước
- Bất kỳ số hạng nào cũng gần bằng 0.382 của số hạng đứng tiếp theo cách đó 2 vị trí

Những con số 0.618 hay 0.382 đều được ứng dụng vào rất nhiều lĩnh vực. Ví dụ để dự đoán giá giảm đến mức nào thì người ta cho rằng sẽ giảm đến mức = 0.618 so với mức cao nhất hoặc tăng ngược trở lại 38.2% so với mức giảm)

(5) Trend patern

Nếu quan sát đồ thị thì thấy có rất nhiều kiểu patern. Nổi giá trị cao nhất hiện tại với giá trị cao nhất trong quá khứ, nổi giá trị thấp nhất hiện tại với giá trị thấp nhất trong quá khứ thì có thể dự đoán được thị trường đang có xu hướng như thế nào, biên độ là bao nhiêu,...

Dưới đây là thống kê một số patern phổ biến.

Dạng hình hộp : cân bằng chính thống	
Dạng cờ rủ 	Dạng cờ bay 
Dạng tam giác cân 	Dạng tam giác cân ngược 
Dạng tam giác hướng xuống 	Dạng tam giác ngược hướng lên 
Dạng tam giác hướng lên 	Dạng tam giác ngược hướng xuống 
Dạng cái nêm hướng xuống 	Dạng cái nêm hướng lên 

3. Market profile

Market profile là một phương pháp phân tích thị trường do Peter Steidlemayer đưa ra vào năm 1981.

(1) Ứng dụng độ lệch chuẩn

Phương pháp Market profile là phương pháp phân tích ứng dụng độ lệch chuẩn. Nếu phân tích thị trường bằng phương pháp này thì 60-70% của tất cả các ngày kinh doanh là có hình dạng của độ lệch chuẩn điển hình.

(2) Cách tính

Bắt đầu từ lúc mở cửa thì cứ 30 phút sẽ thay đổi chữ cái và ghi lại khoảng giá trong 30 phút đó.

Ví dụ nếu xét chỉ số bình quân Nikkei thì ta có bảng như sau.

- A 09:00 – 09:30
- B 09:30 – 10:00
- C 10:00 – 10:30
- D 10:30 – 11:00
- E 12:30 – 13:00
- F 13:00 – 13:30
- G 13:30 – 14:00
- H 14:00 - 14:30
- I 14:30 – 15:00

Nếu trong cùng một khoảng thời gian mà cùng một mức giá được giao dịch 2 lần thì cũng chỉ ghi 1 chữ cái. Thông tin cần thiết để tiến hành phân tích này là giá lớn nhất và nhỏ nhất trong vòng 30 phút.

Giá mở cửa và đóng cửa được ghi bằng chữ cái nhỏ(a,j)

(3) Giải thích các từ ngữ chuyên dụng

- Mode : mức giá có khối lượng giao dịch lớn nhất. Tuy nhiên do ở Mỹ, thông tin về khối lượng giao dịch theo từng mức giá rất ít nên ở Nhật người ta sẽ lấy mức giá mà có nhiều chữ cái nhất ở thời điểm kết thúc mỗi ngày. Nếu có nhiều mức giá cùng có khối lượng giao dịch lớn nhất thì lấy mức giá gần giá đóng cửa nhất làm Mode.

- Value area : khoảng giá lấy Mode tập trung 70% khối lượng giao dịch trong ngày làm trung tâm.

- TPO(time price opportunity) : tình trạng phân bố đơn vị thấp nhất được sử dụng trên Profile. Nếu phát sinh TPO nhiều hơn ở dưới(trên) Mode thì biểu hiện thị trường của phía mua(bán).

- Tail : 2 hay nhiều hơn chữ cái không chồng lên nhau phát sinh ở 2 đầu Profile.
- Initial range : khoảng giá trong vòng 1 tiếng tính từ lúc mở cửa. Trong trường hợp thông thường thì là khoảng A và B

Hình dạng của thời điểm kết thúc giao dịch trong ngày được chia làm 3 dạng chính :

- Normal day : phân bố dạng điển hình (hình cái chuông)
- Double distribution day : dạng 2 đỉnh
- Trend day : hình dạng khi tăng hoặc giảm

(4) 5 phương pháp mua bán cơ bản

1. Phá vỡ Initial range(IR)

Trước khi bắt đầu giao dịch, nếu ta biết được khoảng đáy của độ lệch chuẩn thì sẽ không phải vất vả trong giao dịch. Trong khoảng giá A chắc chắn sẽ bao gồm cả phạm vi đáy của độ lệch chuẩn. Về mặt kinh nghiệm thì trong khoảng thời gian B, nhiều khả năng sẽ hình thành 1 phần của đáy. Vì vậy, không quá lời khi cho rằng IR sẽ quyết định ngày giao dịch đó.

Vào ngày Normal day, giao dịch thường được thực hiện ở mức trên IR.

Dù là Double distribution day hay là Trend day thì nếu IR bị phá vỡ tức là dấu hiệu thị trường chuyển sang một mức mới. Mua ở thời điểm giá vượt quá IR và bán ở thời điểm giá giảm quá IR(mua bán thuận)

2. Xuất hiện tail

Tail được định nghĩa là cực trị độ lệch chuẩn số 3. Trong phân tích Market Profile thì sự xuất hiện(hình thành) tail là hết sức quan trọng. Tail tức là chữ số không chồng trên đó nên những người liên quan đến thị trường thường không thích giao dịch ở khoảng giá đó. Tức là thị trường sẽ biến động lớn ngược theo hướng xuất hiện tail, rất giống với khái niệm “râu” trong candle chart.

3. Phân tích TPO

Nếu TPO của một ngày lấy Mode làm trung tâm là 60:20 thì có thể hiểu rằng có 60 người mua và 20 người bán (trên thực tế thì có thể số người bán = số người mua nhưng đây là cách định nghĩa trong phương pháp MP).

Như vậy, trong xu hướng lên thì TPO phía mua sẽ nhiều và trong xu hướng giảm thì TPO phía bán sẽ nhiều. Bằng việc quan sát khuynh hướng này ta có thể nhận ra sự chuyển hóa của thị trường.

4. Quan hệ giữa Mode và 30 phút cuối

Trước khi thị trường đóng cửa thì thường phát sinh nhiều cảm xúc : sự kỳ vọng cho ngày mai, điều chỉnh position,.. nên giá thường biến động lớn.

Động hướng giá 30 phút cuối rất khó phân tích nhưng sự biến động giá trong 30 phút này lại hết sức quan trọng. Nếu coi Mode là giá chính thức cho ngày hôm đó thì range trong 30 phút cuối sẽ có 3 khả năng :

- Mode và range I trùng nhau → xu hướng cân bằng
- Mode > range I → xu hướng giảm
- Mode < range I → xu hướng tăng

5. Dịch chuyển của Value Area(VA)

Nếu giá vượt quá giá trị max của VA ngày hôm qua thì mua, ngược lại vượt quá giá trị min của VA ngày hôm qua thì bán. Có thể dựa vào sự dịch chuyển của VA để dự đoán phát sinh trend giống như sự phá vỡ IR.

Biểu đồ giải thích 1

13410 I
13400 E F G I J
13390 E F G H I J
13380 B C D E F G H I j ← M o d e
13370 B C D E F G H I J
13360 B C D E H
13350 B C D E
13340 A B C E

13330 A B

13320 A B

13310 A B

13300 A - - - - -

13290 A Tail

13280 a ← giá mở cửa

13270 A - - - - -

Biểu đồ giải thích 2

13250 I

13240 I

13230 I J

13220 I j ← giá đóng cửa

13210 I J - - - - - giới hạn trên valua
area

13200 H I J

13190 H

13180 E F G H

13170 E F G H

13160 E F G H

13150 E F G H

13140 D E F G H

13130 D E G

13120 D - - - - -

13110 D レッジ

13100 D

13090 D - - - - -

13080 C D

13070 B C D - - - -

13060 A B C ↑
13050 A B C
13040 A B C - - - - - giới hạn dưới value
area
13030 a B C
13020 A B C
13010 A B C
13000 A B Initial range
12990 A B ↓
12980 B - - - - -

Cách lập MP

14100 A
14090 A
14080 A
14070 A
14060 A J
14050 A B G J
14040 A B C F G H j
14030 A B C E F G H I J
14020 A B C D E F G H I J
14010 A C D E G H I
14000 A C D E H I
13990 C D E I
13980 C D E
13970 D



14100 A
14090 a
14080 A
14070 A
14060 A J
14050 A B G J
14040 A B C F G H j
14030 A B C E F G H I J
14020 A B C D E F G H I J
14010 A C D E G H I
14000 A C D E H I
13990 C D E I
13980 C D E
13970 D